

CHỦ QUYỀN QUỐC GIA VÀ VẤN ĐỀ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA Ở VIỆT NAM

TRẦN THÀNH^(*)

Khái niệm “chủ quyền” bắt nguồn từ thuật ngữ “Βασιλεύς” trong tiếng Hi Lạp, để chỉ người thi hành quyền lực (Auctoritas), nhưng người thi hành quyền lực lại luôn bị chi phối bởi người nắm giữ quyền lực thống trị tối cao.

Jean Bodin (1530 – 1596), nhà triết học và nhà kinh tế học Pháp là người đầu tiên đã nêu lên và phân tích khái niệm chủ quyền. Trong “*Lục thư về nền công hoà*” viết năm 1576, Jean Bodin cho rằng, chủ quyền là siêu luật pháp, là quyền thống trị quốc dân trong một phạm vi lãnh thổ, và quyền lực tối cao này có nguồn gốc thần thánh và nguồn gốc từ tự nhiên. Xuất phát từ quan niệm như vậy, chủ quyền được coi là quyền lực tuyệt đối và vĩnh viễn của một quốc gia. Chính vì chủ quyền, theo Jean Bodin, mang tính tuyệt đối và tối thượng, do đó, nó không thể chịu bất cứ một sự giới hạn nào. Nói cách khác, chủ quyền không phải là tài sản của cá nhân, nghĩa là về bản chất, nó không thể bị phân chia hay bị chuyển nhượng.

Trên thực tế, khái niệm chủ quyền quốc gia được khởi nguồn từ sự kiện ký kết hiệp ước *Westphalia* vào năm 1648,

nhằm đi đến chấm dứt cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm (*The Thirty Years's War*) giữa các nước châu Âu. Từ sự kiện này, vấn đề chủ quyền quốc gia mới được đặt ra như một khái niệm nền tảng cho một “*công pháp châu Âu*”, với mục đích chi phối các quan hệ giữa các nước này. Bởi vậy, hiệp ước Westphalia đã được coi là điểm khởi đầu cho sự hình thành và phát triển của nền công pháp quốc tế hiện nay. Cũng với nghĩa đó, khái niệm chủ quyền quốc gia còn được gọi là mô hình Westphalia.

Khái niệm chủ quyền quốc gia cũng được phản ánh trong học thuyết “Khế ước xã hội” của Jacques Rousseau (1712 – 1778). Trong học thuyết đó Ông bàn về chủ quyền quốc gia trong quan hệ với “chủ quyền nhân dân”. Trên cơ sở đó, Jacques Rousseau đã phê phán nguồn gốc thần thánh của chủ quyền quốc gia, và nêu rõ quan điểm của mình về việc thực thi chủ quyền quốc gia. Theo Jacques Rousseau, chỉ có nhân dân mới đủ khả năng để thực thi chủ quyền một

^(*) PGS., TS., Viện trưởng Viện Triết học - Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

cách hợp pháp. Bên cạnh quan niệm của Jean Bodin và Jacques Rousseau về chủ quyền quốc gia, thì trước đó Thomas Hobbes; John Locke cũng là những nhà tư tưởng có những đóng góp quan trọng trong việc phát triển quan điểm về chủ quyền.

Với những tư tưởng cơ bản trong lịch sử về chủ quyền ấy cho thấy, chủ quyền quốc gia là một loại quyền lực chính trị tối thượng được thực thi trong một phạm vi lãnh thổ, và tác động đến mọi cá nhân trong phạm vi lãnh thổ ấy. Nói một cách vắn tắt, chủ quyền quốc gia là *quyền tự chủ* và *quyền tự quyết tối cao*. Về phương diện đối nội, nó là cơ sở của quyền lập pháp, quyền tư pháp và hành pháp. Chủ quyền còn là kết quả công nhận lẫn nhau giữa các quốc gia. Về phương diện đối ngoại, nó thể hiện ở việc bảo vệ sức mạnh và ý chí độc lập tự chủ của một quốc gia. Bởi vậy, chủ quyền cũng chính là đặc trưng cơ bản nhất quy định sự tồn tại của mỗi quốc gia. Một khi quốc gia bị mất chủ quyền cũng có nghĩa rằng quốc gia ấy đã đánh mất quyền tự chủ và tự quyết tối cao của mình.

Chủ quyền là quyền lực tối cao, làm cơ sở cho quyền lực của một nhà nước thể hiện ở quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp trong một phạm vi lãnh thổ. Trong chế độ dân chủ, chủ quyền thuộc về toàn thể nhân dân, hay chủ quyền quốc gia còn được gọi là “chủ quyền nhân dân”. Hình thức thực thi trực tiếp chủ quyền nhân dân có thể được thông qua đại hội nhân dân. Và gián tiếp thông qua các cơ quan đại diện do nhân dân bầu ra bằng chế độ bầu cử dân chủ. Các hình thức đó rất đa dạng phong phú, nhưng phổ biến là chế độ tổng thống, chế độ nghị viện, chế độ hỗn hợp.

Nhìn chung, theo Hiến pháp của một quốc gia và theo công pháp quốc tế, khái niệm chủ quyền đều có nghĩa là sự giao phó cho một nhà nước của một quốc gia việc thực thi triệt để quyền lực trong một phạm vi lãnh thổ. Còn đối với những vấn đề liên quan đến quan hệ quốc tế, thì phải giải quyết thông qua quan hệ ngoại giao giữa các quốc gia. Nói cách khác, chủ quyền quốc gia luôn được xác định và thực hiện trong sự thống nhất giữa quan hệ đối nội và quan hệ đối ngoại.

Về phương diện đối nội, như trên đã chỉ ra, chủ quyền (*sovereignty*) phải được thể hiện cụ thể thông qua quyền tự chủ (*autonomy*). Đây là hai khái niệm có quan hệ “họ hàng” với nhau, nhưng khái niệm chủ quyền rộng hơn vì nó vừa mang tính pháp lý, vừa mang tính thực tiễn. Còn khái niệm quyền tự chủ chỉ biểu hiện tính thực tiễn. Với lý do đó, ngay trong công pháp quốc tế, dù khái niệm chủ quyền được xác định là quyền lực tối cao như đã nói trên, nhưng trong nhiều trường hợp chủ quyền quốc gia vẫn chưa được thể hiện đầy đủ ở quyền tự chủ của mình vì nó bị cản trở và bị ràng buộc bởi rất nhiều yếu tố cả khách quan trong quan hệ quốc tế, và kể cả những nhân tố chủ quan trong nội bộ từng quốc gia.

Còn về phương diện đối ngoại, mỗi quốc gia là một tác nhân của cộng đồng quốc tế, luôn bình đẳng với các nước khác và có toàn quyền tự chủ trong những hoạt động phục vụ lợi ích của mình. Mỗi nước có toàn quyền định đoạt mọi việc trên lãnh thổ của mình và không được can thiệp vào nội bộ nước khác. Như trên đã nói, chủ quyền quốc

gia luôn được xác định trong một phạm vi biên giới lãnh thổ của quốc gia đó. Song để được các quốc gia khác công nhận chủ quyền của mình, mỗi quốc gia cũng phải công nhận chủ quyền của quốc gia khác và chấp nhận tự giới hạn chủ quyền trong phạm vi lãnh thổ của mình. Các quốc gia cũng luôn phải chấp nhận những giới hạn khác do những nghĩa vụ quốc tế mà quốc gia mình phải đảm nhận khi thoả hiệp với các quốc gia khác, hay tham gia vào một hình thức giữa các quốc gia cùng quy định. Trên tinh thần ấy, trong Khoản 2, Điều 4 và Khoản 2, Điều 7 của Hiến chương Liên Hợp Quốc đã khẳng định những nguyên tắc cơ bản về tôn trọng và đảm bảo sự bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia. Tuyên bố của *Hội nghị thế giới về Nhân quyền* tại thủ đô Vienna, Austria, ngày 25/6/1993 đã ghi rõ: "Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết. Với quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do theo đuổi con đường phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa của mình" (1, tr.102). Như vậy, tôn trọng chủ quyền quốc gia là một nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Một trong những nguyên tắc cơ bản nhất được Hiến chương Liên Hợp Quốc khẳng định là tôn trọng và bảo đảm sự bình đẳng về chủ quyền quốc gia, không một quốc gia nào được can thiệp hoặc khống chế, xâm phạm chủ quyền của một quốc gia độc lập khác.

Như vậy, khái niệm chủ quyền quốc gia, với nghĩa chung nhất là quyền làm chủ thiêng liêng, bất khả xâm phạm của một quốc gia độc lập, được thể hiện trên mọi phương diện cụ thể về chủ quyền chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng, ngoại giao, văn hoá, xã hội...

Hơn nữa, tất cả các lĩnh vực đó lại luôn đòi hỏi phải được đảm bảo toàn vẹn, đầy đủ về mọi mặt, cả lập pháp, hành pháp, và tư pháp của một nước trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia mình.

Cũng như mọi quốc gia có chủ quyền, với Việt Nam, chủ quyền trước hết là quyền thiêng liêng của quốc gia dân tộc mình. Trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, người Việt Nam nhận thức thấu đáo giá trị đích thực của chủ quyền dân tộc, độc lập dân tộc, quyền tự do dân tộc, cũng như quyền dân tộc tự quyết. Nhưng tất nhiên, chủ quyền quốc gia mà người Việt Nam có được không phải có nguồn gốc thần thánh, cũng không phải được ai ban tặng, mà đã phải trả bằng sự hy sinh xương máu của biết bao thế hệ người Việt Nam. Đặc biệt, sau khi Việt Nam giành được độc lập từ năm 1945, thì mục đích trước hết và cao nhất của chủ quyền dân tộc Việt Nam, là đem lại độc lập cho đất nước, tự do, hạnh phúc cho cộng đồng và từng người dân.

Tư tưởng cao cả ấy về chủ quyền quốc gia đã được phản ánh sâu sắc nhất trong bản "Tuyên ngôn Độc lập" khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong bản "Tuyên ngôn Độc lập", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Lời bất hủ ấy ở trong Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền

sống, quyền sung sướng và quyền tự do" (2, tr. 9).

Những điều trên đây cũng trước hết khẳng định nội dung cốt lõi về chủ quyền ở Việt Nam tiêu biểu trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là luôn hướng đến mục tiêu cao nhất vì hạnh phúc con người. Song mục tiêu đó còn phải được xác lập và thực hiện thông qua mối quan hệ quốc tế chung. Nói cách khác, việc thông qua mối quan hệ quốc tế nhằm xác lập chủ quyền quốc gia để càng khẳng định về vị thế bình đẳng của Việt Nam với mọi quốc gia khác trên trường quốc tế. Nhưng tất nhiên, sự bình đẳng này chỉ có thể thực hiện được trong điều kiện của nền độc lập dân tộc.

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, xét về mặt pháp lý và đạo lý, thì độc lập dân tộc suy đến cùng là quyền tự nhiên của các dân tộc mà cộng đồng quốc tế phải thừa nhận. Tuy nhiên, trên thực tế, không một đế quốc nào tự nguyện trao lại độc lập cho các dân tộc thuộc địa. Thế nên, muốn có độc lập thật sự, thì không có con đường nào khác ngoài việc các dân tộc bị áp bức, trong đó có Việt Nam, phải tự đứng lên giành lấy quyền đó bằng đấu tranh cách mạng. Nói về điều này, trong Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng: "Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa" (2, tr.11). Nhận thức sâu sắc về giá trị của chủ quyền phải đổi bằng xương máu, Người tuyên bố với thế giới: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do

độc lập" (2, tr.12). Việc hưởng những thành quả do chính sự hy sinh của mình mới giành được, là một công lý mà không ai có thể phủ nhận được.

Tất nhiên, trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, đối với các dân tộc bị áp bức, điều kiện tiên quyết là độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ. Song theo Người, độc lập dân tộc bao giờ và cũng trước hết luôn phải đi đôi với tự do cho nhân dân. Người từng nói: cái mà tôi cần trên đời là đồng bào được tự do, dân tộc được độc lập. Muốn vậy, phải xây dựng xã hội XHCN, tức là xây dựng một xã hội "trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc". Nói cách khác, theo Hồ Chí Minh, nếu nước có giành được độc lập, nghĩa là giành lại được Chủ quyền quốc gia hay quyền dân tộc tự quyết, mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì.

Như vậy, quyền dân tộc tự quyết, trước hết là quyền tự do quyết định vận mệnh của mình, quyền được sống trong sự tôn trọng nhân phẩm. Cụ thể ngay từ năm 1946, với bản Hiến pháp đầu tiên sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được khai sinh, và sau này là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện qua các bản Hiến pháp năm 1959, 1980 và đặc biệt là Hiến pháp 1992 (sửa đổi năm 2001), thì những nội dung căn bản về chủ quyền quốc gia ấy vẫn luôn được khẳng định. Đặc biệt, những nội dung cơ bản về chủ quyền dân tộc cũng ngày càng được cụ thể hoá và hiện thực hoá bằng mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, có trách nhiệm bảo đảm và không ngừng

phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân. Chính vì vậy, *chủ quyền tối cao của Việt Nam thực sự là chủ quyền của nhân dân Việt Nam.*

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế càng sâu, rộng chủ quyền quốc gia đang bị đặt thành có vấn đề. Cũng có những quan niệm cho rằng với sự phát triển ngày càng cao của xu thế toàn cầu hoá, tính độc lập của các quốc gia bị mất dần, nhiều quyền lực của nhà nước bị xói mòn, nhiều vấn đề của đất nước sẽ vượt ra khỏi tầm kiểm soát của các nhà nước đơn lẻ và do đó chủ quyền quốc gia dần dần sẽ bị lu mờ. Thậm chí họ cho rằng ngày nay mà nói đến chủ quyền quốc gia là lỗi thời, lạc hậu. Quan niệm như vậy nếu không phải vì mục đích chính trị mở đường cho việc tiến hành can thiệp, xâm phạm chủ quyền của các nước nhỏ, chậm phát triển, đang phát triển, thì cũng mang tính chất phiến diện, máy móc, giáo điều.

Dưới sự tác động của toàn cầu hoá chủ quyền quốc gia, nhất là đối với các nước chậm phát triển, đang phát triển, đang phải đối mặt với những thách thức. Chẳng hạn phải san sẻ, hoà hợp chủ quyền với những quốc gia khác để cùng nhau giải quyết những vấn đề có liên quan đến lợi ích của chính quốc gia mình; pháp luật ban hành và điều chỉnh phải phù hợp với thông lệ quốc tế; phạm vi thẩm quyền của chính phủ cũng bị thu hẹp, có sự hạn chế trong việc hoạch định chính sách, những quyết định kinh tế; các quyết định về chính sách không được trái với những cam kết quốc tế... Những hạn chế đó là khách quan và không tách khỏi. Quả thực đối với

những nước chậm phát triển, đang phát triển đó là những khó khăn phải nỗ lực vượt qua, nếu không sẽ trở thành “cái bóng” của những nước phát triển.

Nhưng cũng phải thấy rằng hội nhập kinh tế quốc tế cũng tạo ra những cơ hội, điều kiện cho việc củng cố, khẳng định chủ quyền quốc gia. Chẳng hạn thông qua hội nhập kinh tế quốc tế một quốc gia được thừa nhận như một thực thể độc lập, có chủ quyền pháp lý ngang hàng với các quốc gia khác, từ đó tranh thủ được những lợi thế của sự hợp tác, có cơ hội, diễn đàn đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia, đấu tranh chống sự phân biệt đối xử, chèn ép trong thương mại quốc tế, bảo vệ quyền và lợi ích của mình trong các quan hệ kinh tế quốc tế.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, trước xu thế hội nhập vào đời sống quốc tế ngày càng sâu, rộng trên thực tế chủ quyền quốc gia vẫn là chuẩn tắc hành động cao nhất của các quốc gia tham gia vào quá trình toàn cầu hoá kinh tế. Tuy nhiên trong quan niệm, cũng như việc thực hiện, bảo vệ chủ quyền quốc gia cũng phải có những cách nhìn mới.

Cũng như các nước chậm phát triển, đang phát triển khác trong bối cảnh toàn cầu hoá về kinh tế, Việt Nam đang đứng trước những cơ hội, vận hội mới, nhưng cũng đang phải đối mặt với những nguy cơ, thách thức trong thực hiện, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Ý thức được điều đó trong đường lối đối ngoại Đảng ta chủ trương: “*chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế*” (3, tr.112). Có tích cực thì mới chớp được thời cơ, tận dụng được mọi cơ hội để phát triển.

(Xem tiếp trang 30)